

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~4174~~ UBND-KTTH  
V/v triển khai thực hiện  
Nghị định số 85/2024/NĐ-  
CP quy định chi tiết một  
số điều của Luật Giá

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 8 năm 2024

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá (*bản chụp kèm theo*), theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2544/STC-QLGCS ngày 30/7/2024, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

2. Giao các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hoá, dịch vụ:

Thực hiện rà soát quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Phụ lục số 02 kèm theo Luật Giá và Danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại Mục B Phụ lục V kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quy định của UBND tỉnh (*Theo nhiệm vụ phân công tại phụ lục đính kèm*). Trường hợp chưa có quy định thì trên cơ sở sự cần thiết của việc ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ, tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (bao gồm: tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) đối với các hàng hoá, dịch vụ đó.

Thời gian thực hiện: **Chậm nhất đến ngày 15/10/2024.**

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phân công cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính cấp dưới để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Thay thế Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh).

Thời gian thực hiện: **Chậm nhất đến ngày 31/10/2024.**

- Xây dựng tính năng tiếp nhận thông tin kê khai giá trên môi trường mạng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ.

Thời gian thực hiện: **Chậm nhất đến ngày 01/7/2027.**

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTHa297



**Võ Phiên**

## PHỤ LỤC

**Phân công các cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh**  
(Kèm theo Công văn số 4114/UBND-KTTH ngày 05/8/2024 của UBND tỉnh)

| STT      | Tên hàng hóa, dịch vụ  | Cơ quan tham mưu quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ |
|----------|--|---|
| <b>A</b> | <b>Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do Nhà nước định giá</b>   |   |
| 1        | Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do tỉnh quản lý                    | Sở Giao thông và vận tải  |
| 2        | Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý |   |
| 3        | Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (trừ cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do tỉnh quản lý  |   |
| 4        | Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô  |   |
| 5        | Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị  |   |
| 6        | Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của tỉnh                | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                      |
| 7        | Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của tỉnh                              |   |
| 8        | Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý  |   |
| 9        | Giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh   |   |
| 10       | Nước sạch nông thôn  |   |

|          |  |                                       |
|----------|--|---------------------------------------|
| 11       | Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước   | Sở Tài chính                          |
| 12       | Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập  | Sở Y tế                               |
| 13       | Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập  |                                       |
| 14       | Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ      | Sở Tài nguyên và Môi trường           |
| 15       | Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt   |                                       |
| 16       | Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước   | Sở Xây dựng                           |
| 17       | Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)   |                                       |
| 18       | Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước   |                                       |
| 19       | Nước sạch đô thị   |                                       |
| 20       | Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng   | Sở Tư pháp                            |
| 21       | Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước   | Sở Công thương                        |
| 22       | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh | Các Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực |
| 23       | Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ   | Các Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực |
| <b>B</b> | <b>Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá</b>  |                                       |

|    |   |  |
|----|---|--|
| 1  | Dịch vụ lưu trú   | Sở Văn hóa, thể thao và du lịch        |
| 2  | Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước                                    | Sở Tài chính                           |
| 3  | Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn  | Sở Văn hóa, thể thao và du lịch        |
| 4  | Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi  | Sở Giao thông vận tải                  |
| 5  | Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch  | Sở Giao thông vận tải                  |
| 6  | Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển                   | Sở Giao thông vận tải                  |
| 7  | Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước) | Sở Xây dựng                            |
| 8  | Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 9  | Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá  | Sở Công thương                         |
| 10 | Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |